BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

ĐẶNG XUÂN CẢNH

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA HỌC SINH TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU TẠO NGUỒN ĐÀO TẠO CÁN BỘ CHO MIỀN NÚI

Chuyên ngành: **Quản lý Giáo dục**

Mã số: **62.14.01.14**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Hµ Néi, N¨m 2016

Công trình được hoàn thành tại
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học:
PGS. TS Trần Kiểm
TS. Mai Công Khanh

Phản biện 1: GS.TSKH Nguyễn Minh Đường
Học viện KHGD Việt Nam

Phản biện 2: PGS.TS Đặng Thành Hưng
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

Phản biện 3: PGS.TS Bùi Minh Hiền
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Luận án sẽ được bảo vệ trước hội đồng chấm luận án họp tại
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 136 Xuân Thuỷ, Cầu Giấy, Hà Nội
lúc giờ ngày tháng năm 2016

Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện:
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và Thư viên Quốc gia

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ

1. ThS. Đặng Xuân Cảnh - TS. Mai Công Khanh (2012), *"Một số kinh nghiệm quản lý đổi mới phương pháp dạy học ở trường phổ thông dân tộc nội trú"*, Tạp chí Giáo chức Việt Nam, số 63, trang 35-38.
2. ThS. Đặng Xuân Cảnh (2012), *"Một số biện pháp quản lý tài chính theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm ở trường Dự bị Đại học dân tộc Sầm Sơn"*, Tạp chí Giáo dục, số 290, kì 2 trang 4-6.
3. ThS. Đặng Xuân Cảnh - TS. Mai Công Khanh (2012), *"Nội dung quản lý hoạt động dạy học ở trường Dự bị Đại học dân tộc"*, Tạp chí Giáo dục, số 292, kì 2 trang 8-10.
4. ThS. Đặng Xuân Cảnh - TS. Mai Công Khanh (2013), *"Vận dụng tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh xây dựng nền giáo dục trong giai đoạn hiện nay"*, Tạp chí Giáo dục, số 309, kì 1 trang 7-9.
5. ThS. Đặng Xuân Cảnh - TS. Mai Công Khanh (2014), *"Đào tạo nguồn nhân lực cho miền núi vùng dân tộc trong giai đoạn hiện nay"*, Tạp chí Khoa học Quản lý Giáo dục, số 01, tháng 3/ 2014, trang 35 - 40.
6. ThS. Đặng Xuân Cảnh (2015), *"Đổi mới nội dung chương trình bồi dưỡng dự bị đại học dân tộc theo tinh thần nâng cao năng lực học tập cho học sinh"*, Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 10, trang 29-31.
7. ThS. Đặng Xuân Cảnh (2015), *"Vận dụng mô hình CIPO trong quản lý hoạt động học tập của học sinh trường dự bị đại học dân tộc"*, Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 10, trang 35-37.
8. ThS. Đặng Xuân Cảnh (2016), *"Biện pháp quản lý hoạt động học tập của học sinh trường dự bị đại học dân tộc đáp ứng yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi"*, Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 3, trang 45-49.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Bước vào thế kỷ XXI, thế giới đang chịu sự chi phối của xu thế "toàn cầu hóa" kinh tế thị trường và chuyển dịch theo hướng "xã hội thông tin", "xã hội học hành". Trước bối cảnh đó, việc "học suốt đời" trong một xã hội học tập được xem là chìa khóa mở cửa cho sự phát triển.

Chất lượng GD&ĐT phụ thuộc vào nhiều yếu tố nhưng trước hết phụ thuộc vào hoạt động dạy của giáo viên (GV) và hoạt động học của học sinh (HS). Hầu hết các trường học tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. Do đó, hoạt động học tập (HĐHT) và quản lý HĐHT của học sinh, sinh viên trở nên cần thiết. Để nâng cao hiệu quả hoạt động dạy và học thì việc quản lý tốt HĐHT của HS là một khâu đặc biệt quan trọng, quyết định chất lượng đào tạo nguồn nhân lực và có mối quan hệ chặt chẽ với các mặt quản lý khác trong nhà trường. Trên thực tế cho thấy, tại các cơ sở giáo dục (CSGD), vấn đề quản lý HĐHT của HS còn chuyển biến chậm và chưa được quan tâm đúng mức.

Yêu cầu đổi mới cho phép các nhà trường lựa chọn nhiều mô hình quản lý để nâng cao chất lượng đào tạo. Năm 2000, UNESCO đưa ra mô hình CIPO, phản ánh quan điểm đánh giá chất lượng giáo dục qua các nhân tố: Bối cảnh; Đầu vào; Quá trình; Kết quả đầu ra. Xét một cách tổng thể, CIPO là một mô hình khá toàn diện, cho phép quản lý từ hoạt động đầu tiên đến hoạt động cuối cùng của cả quá trình có tính đến tác động của yếu tố môi trường, ngoại cảnh. Việc vận dụng mô hình CIPO trong quản lý không chỉ giúp quản lý kiểm soát toàn bộ quá trình đào tạo mà còn góp phần nâng cao chất lượng hoạt động học tập của HS.

Đào tạo cán bộ cho miền núi là chủ trương mang tính chiến lược của Đảng và Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay. Việc nâng cao chất lượng học tập cho HS con em đồng bào các dân tộc thiểu số (DTTS) là trách nhiệm của toàn ngành giáo dục nói chung và của các trường Dự bị đại học (DBĐH) Dân tộc nói riêng. Trong thời gian qua, các trường đã quan tâm đến công tác quản lý dạy học, quản lý học tập nhưng chất lượng và hiệu quả giáo dục vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi. Do đó, nghiên cứu thực trạng và đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý HĐHT của học sinh ở trường DBĐH Dân tộc trở thành một vấn đề cần thiết.

Xuất phát từ những lý do trên, chúng tôi chọn và nghiên cứu đề tài: ***"Quản lý hoạt động học tập của học sinh trường Dự bị đại học Dân tộc đáp ứng yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi".***

2. Mục đích nghiên cứu: Nghiên cứu một cách hệ thống về lý luận và thực tiễn quản lý HĐHT của HS ở trường DBĐH Dân tộc; Đề xuất các biện pháp quản lý HĐHT của HS trường DBĐH Dân tộc nhằm đáp ứng yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu: HĐHT của HS ở trường DBĐH Dân tộc.

3.2. Đối tượng nghiên cứu: Nội dung và biện pháp quản lý HĐHT của HS trường DBĐH Dân tộc đáp ứng yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi.

4. Giả thuyết khoa học

Công tác quản lý HĐHT của HS trường DBĐH Dân tộc hiện nay còn nhiều bất cập. Nếu thực hiện các biện pháp quản lý hoạt động học tập theo tiếp cận CIPO và quan điểm dạy học phân hóa thì sẽ khắc phục được những hạn chế, nâng cao chất lượng bồi dưỡng DBĐH đáp ứng yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

5.1. Nghiên cứu cơ sở lý luận về quản lý HĐHT của HS trường DBĐH Dân tộc đáp ứng yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi.

5.2. Nghiên cứu thực trạng quản lý HĐHT của HS trường DBĐH Dân tộc và các nguyên nhân của thực trạng.

5.3. Đề xuất các biện pháp quản lý HĐHT của HS trường DBĐH Dân tộc đáp ứng yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi.

5.4. Khảo nghiệm và thử nghiệm một số biện pháp nhằm khẳng định tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp đề xuất.

6. Phạm vi nghiên cứu

6.1. Về nội dung: Nghiên cứu nội dung, biện pháp quản lý HĐHT của HS trường DBĐH Dân tộc.

6.2. Về thực trạng: Nghiên cứu thực trạng quản lý HĐHT của HS 04 trường DBĐH Dân tộc trong cả nước: Trường DBĐH Dân tộc Trung ương Việt Trì Phú Thọ; Trường DBĐH Dân tộc Sầm Sơn; Trường DBĐH Dân tộc Trung ương Nha Trang; Trường DBĐH Thành phố Hồ Chí Minh.

6.3. Về nghiên cứu khảo nghiệm và thử nghiệm: Khảo nghiệm ở 4 trường DBĐH Dân tộc, thử nghiệm được tiến hành tại trường DBĐH Dân tộc Sầm Sơn.

7. Phương pháp tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

7.1. Phương pháp tiếp cận: Tiếp cận CIPO; Tiếp cận theo quan điểm dạy học phân hóa.

7.2. Phương pháp nghiên cứu: Phương pháp nghiên cứu lý luận; Phương pháp nghiên cứu thực tiễn; Phương pháp chuyên gia; Phương pháp xử lý số liệu bằng thông kê toán học.

8. Những luận điểm bảo vệ

Tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi là nhiệm vụ chính trị mang tầm chiến lược của Đảng, Nhà nước và ngành GD&ĐT. Quản lý HĐHT của học sinh trường DBĐH Dân tộc là yêu cầu tất yếu và cần thiết trong giai đoạn hiện nay, nhằm góp phần nâng cao chất lượng bồi dưỡng DBĐH tại các trường DBĐH Dân tộc, đáp ứng yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi; Quản lý HĐHT của học sinh DBĐH tại các trường DBĐH Dân tộc tuy đã có chuyển biến tích cực nhưng vẫn còn tồn tại nhiều bất cập.

Ưu điểm nổi trội của mô hình CIPO là quản lý chất lượng giáo dục qua 4 nhân tố: bối cảnh, đầu vào, quá trình, kết quả đầu ra. Việc vận dụng mô hình CIPO có thể khắc phục những khó khăn, bất cập trong quản lý HĐHT của học sinh trường DBĐH Dân tộc, góp phần nâng cao kết quả học tập, đáp ứng yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi.

Biện pháp vận dụng mô hình CIPO trong quản lý HĐHT của học sinh được đề xuất phù hợp với thực tiễn của các trường DBĐH Dân tộc. Nếu thực hiện đồng bộ các biện pháp có thể thúc đẩy, tạo nên những thay đổi tích cực trong quản lý HĐHT của học sinh trường DBĐH Dân tộc.

9. Đóng góp của luận án

9.1. Về lý luận: Hệ thống hóa cơ sở lý luận về quản lý HĐHT của HS trường DBĐH Dân tộc theo tiếp cận CIPO và quan điểm dạy học phân hóa, làm rõ được các nội dung quản lý HĐHT theo tiếp cận CIPO với đặc điểm riêng của loại hình trường chuyên biệt.

9.2. Về thực tiễn: Chỉ ra những bất cập trong HĐHT và quản lý HĐHT của HS trường DBĐH Dân tộc. Xây dựng các biện pháp quản lý HĐHT của HS trường DBĐH Dân tộc đáp ứng yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi.

10. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và khuyến nghị, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, nội dung luận án gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý HĐHT của HS trường DBĐH Dân tộc đáp ứng yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi.

Chương 2: Thực trạng HĐHT và quản lý HĐHT của HS trường DBĐH Dân tộc.

Chương 3: Biện pháp quản lý HĐHT của HS trường DBĐH Dân tộc đáp ứng yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi.

Chương 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA HỌC SINH TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU TẠO NGUỒN ĐÀO TẠO CÁN BỘ CHO MIỀN NÚI

1.1. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ

1.1.1. Nghiên cứu về hoạt động học tập của học sinh

HĐHT từ lâu đã được đề cập đến thông qua các tư tưởng về giáo dục của nhiều nhà giáo dục lỗi lạc. Phần lớn những tư tưởng về giáo dục này đều nhấn mạnh tầm quan trọng của HĐHT đối với sự phát triển tư duy cũng như hình thành thói quen học tập và nghiên cứu suốt đời cho người học. Sau này, HĐHT tiếp tục được đề cập trong các công trình nghiên cứu về giáo dục hiện đại.

Kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh và trên cơ sở lý luận của học thuyết Mác – Lênin, các nhà giáo dục Việt Nam đã thể hiện trong các công trình nghiên cứu của mình một cách khoa học về lý luận dạy học, về quan niệm học tập và quản lý HĐHT trong nhà trường. Trong các luận án nghiên cứu về quản lý dạy học, vấn đề quản lý HĐHT của HS đã ít nhiều được các tác giả đề cập đến.

1.1.2. Nghiên cứu về quản lý hoạt động học tập của học sinh

Tuy chưa có công trình nào luận bàn cụ thể về quản lý HĐHT của HS nhưng một số nghiên cứu điển hình như: *"Những ý tưởng mới để nhà trường hiệu quả*" của Ramsay W và Clark E.E; *"Quản lý và những kết nối của nó với hiệu quả trường học"* của Wily H; *"Sổ tay kế hoạch và quản lý giáo dục cấp vĩ mô"* của UNESCO; *"Dành cho Hiệu trưởng, chiến lược và lời khuyên thực tế giúp công việc hiệu quả hơn"* của Pam Robbins và Harvey B. Alvy; *"Quản lý các trường học trong thế kỷ XXI"* của Brent Davies và Linda Ellison... về quản lý HĐHT của HS vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tiễn cao cũng hết sức quan trọng, gợi mở hướng nghiên cứu cần tiếp tục được triển khai trong luận án.

Các trường DBĐH đã có hơn 40 năm bồi dưỡng học sinh dân tộc, nhưng cho đến nay các công trình nghiên cứu về HĐHT và quản lý HĐHT của HS DBĐH vẫn còn rất khiêm tốn. Trong số nguồn tư liệu tiếp cận được, có thể xem cuốn "Quản lý dạy học ở trường dự bị đại học dân tộc, quan điểm và giải pháp" của tác giả Mai Công Khanh là công trình có nhiều luận bàn về vấn đề HĐHT và quản lý HĐHT của học sinh DBĐH Dân tộc.

1.2. YÊU CẦU TẠO NGUỒN ĐÀO TẠO CÁN BỘ CHO MIỀN NÚI

1.2.1. Khái quát về kinh tế - xã hội khu vực miền núi

Đảng và Nhà nước ta luôn xác định phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội cho miền núi là một bộ phận hữu cơ của chiến lược phát triển đất nước. Những năm qua, nhất là những năm trong thời kỳ đổi mới, thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước, miền núi đã đạt được những thành tựu hết sức to lớn trong các lĩnh vực đời sống xã hội.

1.2.2. Yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi

Đào tạo cán bộ cho miền núi là một nhiệm vụ quan trọng góp phần tạo sự ổn định và phát triển bền vững an sinh xã hội. So với yêu cầu sự nghiệp cách mạng ở miền núi, thì những thành quả đã đạt được vẫn còn nhiều nhược điểm, tồn tại, chưa đáp ứng được với nhiệm vụ đặt ra. Thực tế này đòi hỏi tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi cần đáp ứng các yêu cầu: đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng và phù hợp cơ cấu ngành nghề khu vực miền núi, vùng dân tộc.

1.2.3. Vai trò của Trường Dự bị Đại học Dân tộc trong tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi

Thực hiện chủ trương mang tính chiến lược của Đảng và Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay, công tác bồi dưỡng văn hóa cho con em người DTTS là một nhiệm vụ giáo dục quan trọng của các trường DBĐH Dân tộc, nhằm đáp ứng yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho khu vực miền núi.

1.3. HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA HỌC SINH TRƯỜNG DBĐH DÂN TỘC

1.3.1. Hoạt động học tập

Hoạt động học, trong đó có vai trò nhận thức của HS giữ vai trò quyết định đến kết quả dạy học. Học là quá trình tương tác giữa cá thể với môi trường, kết quả là dẫn đến sự biến đổi bền vững về nhận thức, thái độ và hành vi của cá thể đó. Vì thế, có thể hiểu, học tập là một hoạt động mà chủ thể chính là người học, tri thức và kỹ năng chính là đối tượng của nó. HĐHT của HS là hoạt động lĩnh hội tri thức, tích cực chủ động của chủ thể, hình thức chủ yếu của nó là tự học.

1.3.2. Đặc điểm học sinh trường DBĐH Dân tộc

Học sinh DBĐH Dân tộc có những nét tâm lý chung của lứa tuổi học sinh THPT và những nét tâm lý đặc thù của đối tượng HS người DTTS, như: Các thao tác tư duy phân tích, tổng hợp, so sánh, khái quát hóa, trừu tượng hóa hạn chế hơn so với người Kinh. HS thường quen lĩnh hội kiến thức theo kinh nghiệm, khả năng độc lập tư duy và phê phán còn hạn chế. Thường gắn với sự vật, hình ảnh cụ thể, gần gũi trong cuộc sống hằng ngày. HS có nhu cầu học và ý thức cao về quê hương, dân tộc, mong muốn được khẳng định là cán bộ tương lai của đất nước; có nhu cầu hoạt động xã hội. HS thường tự ti, ngại giao tiếp, phát biểu trong học tập, có thói quen thụ động.

1.3.3. Hoạt động học tập của học sinh trường DBĐH Dân tộc

1.3.3.1. Mục tiêu học tập

Hướng tới mục tiêu đáp ứng yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi, HĐHT ở trường DBĐH Dân tộc trước hết là củng cố lại hệ thống kiến thức cơ bản của chương trình THPT hiện hành; bổ sung những kiến thức còn thiếu để HS có đủ điều kiện vào học đại học, cao đẳng; tổ chức cho HS luyện tập, vận dụng kiến thức đã học để hình thành các kỹ năng. Mục tiêu quan trọng trong quá trình học tập ở trường DBĐH Dân tộc là hình thành cho HS kỹ năng tư duy độc lập, kỹ năng giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, đáp ứng yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi.

1.3.3.2. Nội dung chương trình học tập

Nội dung chương trình DBĐH Dân tộc bao gồm các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội của 3 năm THPT được xây dựng thành một chương trình cụ thể, phân phối theo từng môn học.

1.3.3.3. Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập của HS trường DBĐH Dân tộc bao gồm: nghe giảng, quan sát, đàm thoại, thực hành, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm... Thông thường đối với học tập trên lớp theo thời khóa biểu, giáo viên sẽ quy định cụ thể cách học đối với từng môn học. Đối với tự học ngoài giờ lên lớp, HS sử dụng phương pháp học tập dưới sự hướng dẫn của giáo viên hoặc sự quản lý của lớp trưởng, của cán bộ phòng công tác học sinh.

1.3.3.4. Hình thức tổ chức học tập

HĐHT của HS trường DBĐH Dân tộc được tổ chức dưới 2 hình thức: HĐHT trên lớp và HĐHT ngoài giờ lên lớp. Đối với hình thức học tập ngoài giờ lên lớp, tự học giữ vai trò quan trọng.

1.3.3.5. Kiểm tra, đánh giá hoạt động học tập của học sinh

Nội dung kiểm tra, đánh giá hoạt động học tập của HS bao gồm kiểm tra việc chấp hành thời gian học trên lớp và thời gian học tập ngoài giờ lên lớp, kiểm tra nội dung học tập, kiểm tra kết quả học tập. Cách thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá HĐHT thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS trường DBĐH Dân tộc.

1.4. QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA HỌC SINH TRƯỜNG DBĐH DÂN TỘC THEO TIẾP CẬN CIPO

1.4.1. Quản lý hoạt động học tập

Quản lý HĐHT là sự tác động có mục đích, có kế hoạch của chủ thể quản lý tới HĐHT của HS nhằm thực hiện có kết quả mục tiêu HĐHT. Chủ thể quản lý HĐHT của HS bao gồm nhiều bộ phận theo quan hệ dọc và quan hệ ngang, đó là Ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các GV trực tiếp giảng dạy, GV chủ nhiệm, cán bộ quản lý HS, Đoàn thanh niên và các cán bộ lớp..., mỗi bộ phận, thành viên của hệ thống tổ chức quản lý quản lý đảm nhận những vai trò, vị trí khác nhau. Quản lý HĐHT của HS phải bao hàm quản lý thời gian và chất lượng học tập, quản lý tinh thần thái độ và phương pháp học tập. Do vậy, quản lý HĐHT của HS là quản lý để thực hiện đồng bộ và toàn vẹn các nhân tố: mục tiêu học tập, nội dung học tập, phương pháp học tập, hình thức tổ chức học tập, kết quả học tập, các điều kiện phục vụ học tập.

1.4.2. Tiếp cận và tiếp cận CIPO trong quản lý hoạt động học tập

1.4.2.1. Một số tiếp cận trong quản lý hoạt động học tập

** Tiếp cận kiểm soát chất lượng (Quality Control - QC):* Kiểm soát chất lượng là quá trình quản lý chất lượng nhằm phát hiện và loại bỏ các thành tố hoặc sản phẩm cuối cùng không đạt chuẩn quy định hoặc làm lại nếu có thể. Trong GD&ĐT, với quan niệm sản phẩm gắn với quá trình giáo dục và đào tạo thì kiểm soát chất lượng theo quan điểm như trên khó phù hợp vì khái niệm "loại bỏ" không sử dụng đối với sản phẩm giáo dục. Đồng thời, cách làm này kéo theo sự lãng phí do phải loại bỏ hoặc làm lại các sản phẩm không đạt yêu cầu.

** Tiếp cận đảm bảo chất lượng (Quality Assurance - QA):* Khác với kiểm soát chất lượng, điểm ưu việt của đảm bảo chất lượng là quá trình quản lý chất lượng trong đó coi trọng phòng ngừa trước và trong quá trình tạo ra sản phẩm. Mối quan tâm của nó là phòng chống những sai phạm xảy ra ngay từ bước đầu tiên. Chất lượng của sản phẩm được thiết kế ngay trong quá trình sản xuất từ khâu đầu đến khâu cuối theo những tiêu chuẩn nghiêm ngặt, đảm bảo không sai phạm trong bất kỳ khâu nào.

** Tiếp cận quản lý chất lượng tổng thể(Total Quality Management - TQM):* Cốt lõi tư tưởng của TQM là tập trung vào khách hàng trong dạy học; phát huy vai trò của mọi thành viên tham gia quản lý chất lượng dạy học; chú trọng cải tiến liên tục để nâng cao chất lượng; hướng tới môi trường văn hóa chất lượng.

1.4.2.2. Tiếp cận CIPO

Với quan điểm chất lượng đào tạo là một quá trình, năm 2000, UNESCO nêu ra 4 nhóm thành tố tạo nên chất lượng của một nhà trường (gọi tắt là CIPO), gồm: Bối cảnh, đầu vào, quá trình, đầu ra. Mối quan hệ giữa 4 nhóm yếu tố trên được thể hiện qua mô hình sau:

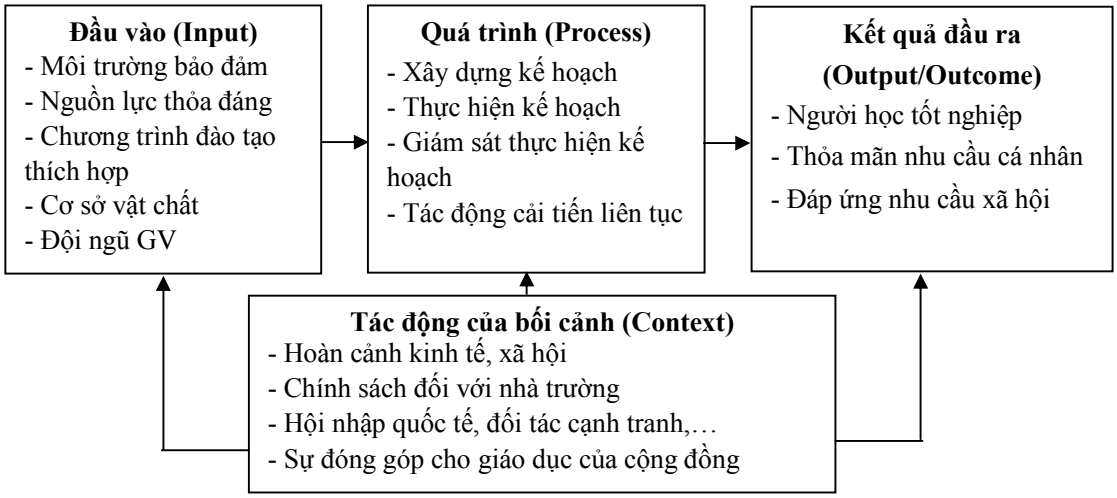

Sơ đồ 1.1: Mô hình CIPO trong quản lý HĐHT

1.4.3. Nội dung quản lý hoạt động học tập của học sinh trường DBĐH Dân tộc theo tiếp cận CIPO

1.4.3.1. Mô hình quản lý hoạt động học tập của học sinh trường DBĐH Dân tộc theo tiếp cận CIPO

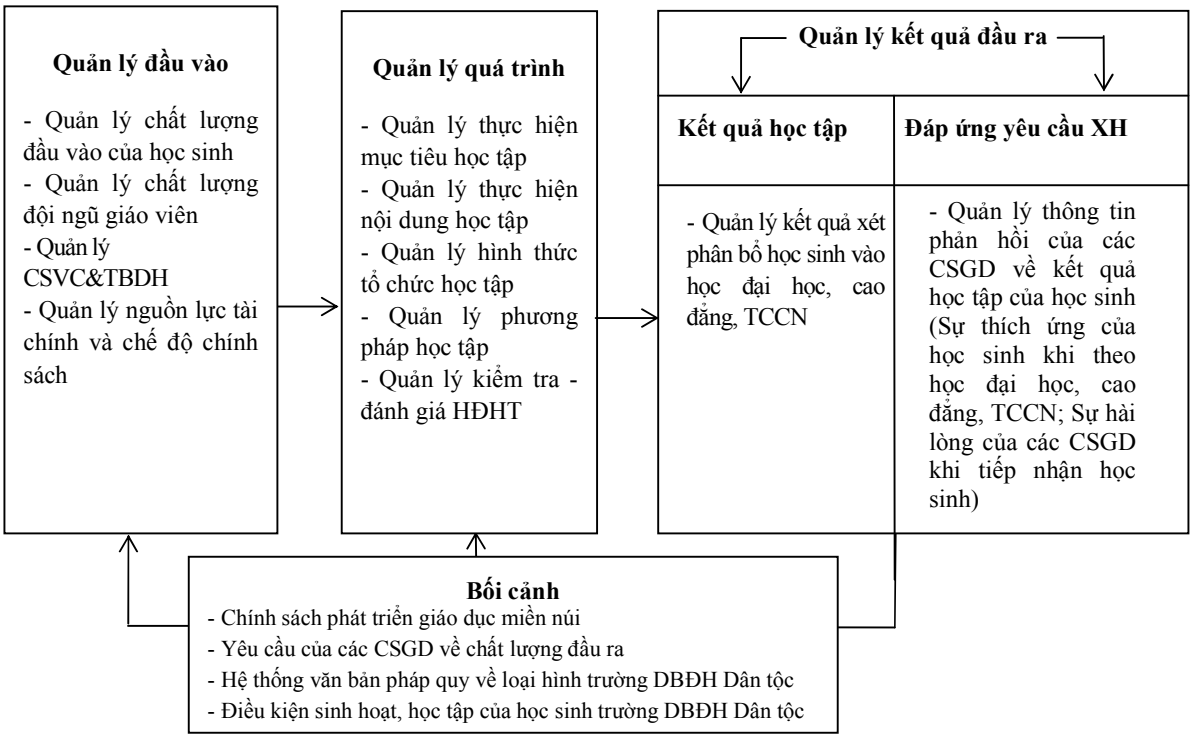

Sơ đồ 1.2: Mô hình quản lý HĐHT của học sinh trường DBĐH Dân tộc theo tiếp cận CIPO

1.4.3.2. Nội dung quản lý hoạt động học tập của học sinh trường Dự bị Đại học Dân tộc theo tiếp cận CIPO

a) Quản lý đầu vào

** Quản lý chất lượng đầu vào*

Chất lượng đầu vào của HS cần đáp ứng được những phẩm chất và năng lực thích ứng với HĐHT ở trường DBĐH Dân tộc. Ngay đầu năm học, hiệu trưởng vận dụng quan điểm dạy học phân hóa, chỉ đạo thực hiện việc tổ chức khảo sát và phân hóa kết quả đầu vào theo năng lực; phân hóa kết quả đăng ký nguyện vọng của học sinh theo nhóm ngành; Trên cơ sở năng lực HS và cơ cấu ngành nghề, tiến hành xây dựng lớp học theo quan điểm dạy học phân hóa nhằm nâng cao chất lượng đầu vào, đáp ứng yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi.

** Quản lý chất lượng đội ngũ giáo viên*

Chất lượng đội ngũ giáo viên có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng học tập của HS. Do đó, trong công tác quản lý, nhà trường cần xây dựng được một đội ngũ giáo viên đáp ứng các yêu cầu về phẩm chất và năng lực.

** Quản lý cơ sở vật chất, thiết bị học tập*

Cơ sở vật chất, thiết bị học tập giúp GV tổ chức và thực hiện tốt các hoạt động giảng dạy, giúp HS dễ dàng tiếp cận và nắm vững kiến thức. Không thể đào tạo con người phát triển toàn diện nếu không có nguồn lực, cơ sở vật chất, thiết bị học tập tương ứng.

** Quản lý nguồn lực tài chính và chế độ chính sách*

Nguồn lực tài chính và chế độ chính sách là những điều kiện cần thiết, quan trọng để đảm bảo tổ chức và thực hiện HĐHT của HS trong một nhà trường. Để quản lý tài chính và việc thực hiện chế độ chính sách, Hiệu trưởng chỉ đạo các đơn vị

Phòng, Tổ chuyên môn đảm bảo chế độ chính sách cho HS, tạo điều kiện tốt nhất để HS yên tâm trong quá trình học tập.

b) Quản lý quá trình

** Quản lý thực hiện mục tiêu học tập*

- Xác định và triển khai mục tiêu học tập: Nhà trường phải xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ học tập cho HS và công khai hóa mục tiêu học tập thông qua việc triển khai, phổ biến tới toàn thể GV và HS, trong đó, chú trọng mục tiêu học tập đáp ứng yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi, giúp HS có động cơ học tập đúng đắn, phấn đấu trở thành người cán bộ tương lai của quê hương mình.

- Thực hiện mục tiêu học tập: GV cần cụ thể hóa mục tiêu học tập của từng môn, từng bài học; đảm bảo tính thống nhất giữa mục tiêu HĐHT chung của nhà trường, mục tiêu từng học kỳ, từng bài học; hướng dẫn, giám sát học sinh biết xác định mục tiêu học tập, xây dựng kế hoạch học tập và thực hiện kế hoạch để đạt được mục tiêu học tập. HS cần nhận thức sâu sắc mục tiêu học tập, chia nhỏ và cụ thể hóa từng mục tiêu học tập để có hướng thực hiện hiệu quả. Nhà quản lý cần có biện pháp bảo đảm, tạo điều kiện hỗ trợ để GV và HS thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ học tập.

- Giám sát thực hiện mục tiêu học tập: Hiệu trưởng giám sát, kiểm tra định kỳ, đột xuất đối với giáo viên trong thực hiện mục tiêu dạy học; thông qua giáo viên giám sát, kiểm tra thường xuyên, liên tục việc thực hiện mục tiêu học tập của học sinh.

- Cải tiến, điều chỉnh thực hiện mục tiêu học tập: Nếu nhận thấy mục tiêu học tập chưa được GV và HS đi đúng hướng đã xác định, nhà trường cần có kế hoạch điều chỉnh kịp thời, nhằm đảm bảo cho mục tiêu học tập được thực hiện hiệu quả.

** Quản lý thực hiện nội dung học tập:*

- Xây dựng nội dung học tập: Đầu năm, Hiệu trưởng phổ biến cho giáo viên những sửa đổi trong nội dung chương trình theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT; Hướng dẫn giáo viên xây dựng nội dung học tập theo tinh thần đáp ứng yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi.

- Thực hiện nội dung học tập: Hiệu trưởng chỉ đạo xây dựng lịch trình giảng dạy phù hợp, đúng quy định trên cơ sở của nội dung học tập; tạo điều kiện về CSVC, thiết bị phục vụ học tập để GV và HS thực hiện tốt các nội dung học tập. GV giảng dạy các nội dung học tập cho HS theo lịch trình đã xây dựng; tổ chức các HĐHT và hướng dẫn HS các phương pháp học tập phù hợp với nội dung học tập.

- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện nội dung học tập: Hàng tháng, Hiệu trưởng tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện nội dung học tập.

- Cải tiến, điều chỉnh nội dung học tập: Hiệu trưởng chỉ đạo tổ chuyên môn họp, nhận xét, đánh giá những vấn đề mới nảy sinh trong quá trình thực hiện nội dung học tập, điều chỉnh nội dung học tập theo định hướng phát triển năng lực, kích thích khả năng chủ động, sáng tạo và phù hợp với trình độ nhận thức của HS.

** Quản lý sử dụng phương pháp học tập:*

- Xây dựng kế hoạch quản lý sử dụng phương pháp học tập: Hiệu trưởng chỉ đạo GV có kế hoạch hướng dẫn HS các phương pháp học tập phù hợp theo môn học và từng hình thức học tập.

- Thực hiện kế hoạch quản lý sử dụng phương pháp học tập: Giáo viên giúp học sinh tìm ra phương pháp học tập theo hướng chủ động tìm tòi kiến thức, nâng cao sự

tự học; hình thành các phương pháp học tập trên lớp; phương pháp tự học; phương pháp học tập theo đặc trưng của từng môn học.

- Giám sát, kiểm tra thực hiện phương pháp học tập: GV cần thường xuyên kiểm tra, giám sát các phương pháp HS đã thực hiện. Hướng dẫn HS tự kiểm tra, đánh giá tính hiệu quả của các phương pháp học tập mà HS đã sử dụng.

- Cải tiến, điều chỉnh phương pháp học tập: GV giúp HS biết phân tích, tìm ra những ưu điểm và hạn chế của mỗi phương pháp, từ đó, HS chủ động điều chỉnh, cải tiến phương pháp học tập cho phù hợp và hiệu quả.

** Quản lý hình thức tổ chức HĐHT:*

- Xây dựng hình thức tổ chức HĐHT: Hiệu trưởng chỉ đạo xây dựng kế hoạch tổ chức các hình thức học tập, phân công giáo viên giảng dạy, sắp xếp thời khóa biểu, thời gian biểu học tập, chỉ đạo giáo viên nghiên cứu nội dung và phương pháp phù hợp với từng hình thức học tập, chỉ đạo HS thực hiện đầy đủ các hình thức học tập.

- Thực hiện các hình thức tổ chức HĐHT: Hiệu trưởng chỉ đạo thực hiện các hình thức tổ chức HĐHT, gồm: Quản lý HĐHT trên lớp; Quản lý HĐHT ngoài giờ lên lớp.

- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện các hình thức tổ chức HĐHT: Định kỳ hoặc đột xuất, Hiệu trưởng kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các hình thức tổ chức học tập cho HS.

- Cải tiến, điều chỉnh hình thức tổ chức HĐHT: Kịp thời phát hiện những điểm bất cập, hạn chế của các hình thức tổ chức HĐHT cho HS, từ đó, điều chỉnh cho phù hợp với mục tiêu học tập đã đề ra.

** Quản lý việc kiểm tra, đánh giá HĐHT:*

- Lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá HĐHT của HS: Trên tinh thần kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực, Hiệu trưởng chỉ đạo xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá HĐHT, bao gồm kiểm tra, đánh giá thường xuyên và kiểm tra, đánh giá theo Thông tư 25 của Bộ GD&ĐT.

- Tổ chức thực hiện việc kiểm tra, đánh giá HĐHT của HS: Hiệu trưởng chỉ đạo các đơn vị phòng, tổ chuyên môn, GV tổ chức thực hiện việc kiểm tra, đánh giá theo kế hoạch.

- Giám sát việc thực hiện kiểm tra, đánh giá HĐHTcủa HS: Giám sát tiến độ thực hiện; chất lượng thực hiện kế hoạch kiểm tra, đánh giá HĐHT của HS.

- Cải tiến việc kiểm tra, đánh giá HĐHT của HS: Tổ chức phân tích thực trạng dạy của GV và kết quả học của HS, cải tiến hình thức, nội dung, phương pháp, quy trình đánh giá cho phù hợp với trình độ và năng lực của HS.

c) Quản lý kết quả đầu ra

** Quản lý kết quả xét phân bổ học sinh vào đại học, cao đẳng, TCCN:*

Để có cơ sở cho việc quản lý kết quả xét phân bổ học sinh vào đại học, cao đẳng, TCCN, trước hết, nhà trường cần quản lý tốt kết quả học tập của học sinh, bao gồm: Kết quả học tập; Kết quả rèn luyện; Kết quả xếp loại hạnh kiểm. Xét phân bổ HS vào đại học, cao đẳng và TCCN là khâu quan trọng, cần thực hiện nghiêm túc, đảm bảo tính khách quan và phù hợp với chỉ tiêu phân bổ của Bộ GD&ĐT giao.

** Quản lý thông tin phản hồi của các CSGD về kết quả học tập của học sinh*

- Sự thích ứng của HS khi học đại học, cao đẳng và TCCN: HS thích nghi với môi trường học tập mới, thích ứng với mọi hoạt động học tập, có chiều hướng phát triển tốt trong học tập và rèn luyện, có khả năng đáp ứng được yêu cầu tạo nguồn đào

tạo cán bộ cho khu vực miền núi.

- Sự hài lòng của các CSGD khi tiếp nhận HS: Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và sự hài lòng của khách hàng chính là nhiệm vụ cần thiết được đặt ra cho các nhà trường DBĐH Dân tộc trong tình hình hiện nay.

d) Tác động của bối cảnh

** Chính sách phát triển giáo dục dân tộc:* Chính sách phát triển giáo dục dân tộc đối với khu vực miền núi chính là những định hướng, tạo điều kiện cho việc thực hiện giáo dục tại các trường DBĐH Dân tộc.

** Yêu cầu của các cơ sở giáo dục về chất lượng đầu ra:* Các CSGD có thể tiếp nhận hoặc từ chối tiếp nhận nếu học sinh có chất lượng không đảm bảo. Chính điều này đã tác động trực tiếp đến việc quản lý HĐHT của học sinh; đồng thời, tạo thế cạnh tranh về chất lượng giữa các trường DBĐH Dân tộc trong công tác xét phân bổ học sinh.

** Hệ thống văn bản pháp quy đối với loại hình Trường Dự bị Đại học Dân tộc*: Các văn bản pháp quy dành cho trường DBĐH Dân tộc là những cơ sở mang tính pháp lý để các trường DBĐH Dân tộc tổ chức và thực hiện hoạt động dạy học, đồng thời tác động đến quá trình quản lý HĐHT của học sinh.

** Điều kiện sinh hoạt, học tập của học sinh trường DBĐH Dân tộc:* Việc xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, tổ chức nuôi dạy và đảm bảo các điều kiện cần thiết để các em ăn ở, sinh hoạt thuận lợi, yên tâm học tập chính là yếu tố tác động và ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng HĐHT của học sinh.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Luận án đã có cái nhìn tổng quát về lịch sử nghiên cứu vấn đề. Trên cơ sở lý luận về HĐHT, quản lý HĐHT và đặc điểm HS trường DBĐH Dân tộc, luận án tập trung làm rõ nội dung quản lý hoạt động học tập của HS trường DBĐH Dân tộc theo tiếp cận CIPO.

Chương 2
THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA HỌC SINH TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC

2.1. KHÁI QUÁT HỆ THỐNG TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC

2.1.1. Quá trình xây dựng, phát triển hệ thống trường DBĐH Dân tộc

Các trường DBĐH Dân tộc đã trải qua 40 năm xây dựng và phát triển, trở thành một hệ thống vững chắc với quy mô đào tạo ngày càng tăng, bước đầu đáp ứng yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho khu vực miền núi.

2.1.2. Cơ cấu tổ chức của Trường DBĐH Dân tộc và đội ngũ cán bộ quản lý

Trường DBĐH Dân tộc thuộc hệ thống các trường đại học, dưới sự quản lý trực tiếp của Bộ GD&ĐT. Quản lý nhà trường gồm Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng; các Phòng, Tổ chuyên môn. Các tổ chức trong nhà trường gồm: Tổ chức Đảng, tổ chức Công đoàn, tổ chức Đoàn Thanh niên và các tổ chức chính trị xã hội.

2.1.3. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên ở các trường DBĐH Dân tộc

2.1.3.1. Đội ngũ cán bộ quản lý : Đội ngũ CBQL trường DBĐH Dân tộc có

phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu, luôn phấn đấu vươn lên, thể hiện được vai trò và trách nhiệm trong quản lý nhà trường. Tuy nhiên, số CBQL ở trường DBĐH Dân tộc phần nhiều trẻ tuổi, mới ra trường, tuy nhiệt tình trong công việc và tiếp thu cái mới nhanh nhưng kinh nghiệm quản lý còn ít.

2.1.3.2. Đội ngũ giáo viên: Đội ngũ giáo viên các trường DBĐH Dân tộc đảm bảo về số lượng và chất lượng, đầy đủ điều kiện để thực hiện quá trình dạy học theo mục tiêu dạy học đề ra.

2.1.4. Quy mô tuyển sinh đào tạo DBĐH Dân tộc

Quy mô tuyển sinh của các trường DBĐH Dân tộc phụ thuộc vào chỉ tiêu mà Bộ GD&ĐT giao hàng năm.

2.2. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA HỌC SINH TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC

2.2.1. Giới thiệu về tiến trình khảo sát thực trạng

2.2.1.1. Mục đích khảo sát: Tìm hiểu, phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động học tập và quản lý HĐHT của học sinh ở trường DBĐH Dân tộc là cơ sở thực tiễn để đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động học tập của học sinh trường DBĐH Dân tộc đáp ứng yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi.

2.2.1.2. Nội dung khảo sát

Thực trạng HĐHT và quản lý HĐHT của HS ở trường DBĐH Dân tộc.

2.2.1.3. Xây dựng các mẫu phiếu khảo sát

Các biểu mẫu thống kê, báo cáo số liệu của các trường DBĐH Dân tộc; Các phiếu trưng cầu ý kiến để tìm hiểu thực trạng HĐHT và quản lý HĐHT của HS ở các trường DBĐH Dân tộc.

2.2.1.4. Chọn mẫu khảo sát

Trường DBĐH Dân tộc Sầm Sơn, Trường DBĐH Dân tộc Trung ương Việt Trì, Trường DBĐH Dân tộc Trung ương Nha Trang, Trường DBĐH Thành Phố Hồ Chí Minh.

2.2.1.5. Phương pháp khảo sát

Sử dụng phương pháp điều tra, phương pháp quan sát và phương pháp phỏng vấn, trao đổi trực tiếp.

2.2.1.6. Xử lý số liệu khảo sát

Số lượng CBQL, GV của 4 trường tham gia quá trình khảo sát: 256 người; Số lượng HS của 4 trường tham gia quá trình khảo sát: 368 HS.

2.2.2. Hoạt động học tập của học sinh trường Dự bị Đại học Dân tộc

2.2.2.1. Mức độ thực hiện mục tiêu học tập

Theo đánh giá của CBQL và GV, mặc dù mục tiêu học tập có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với quá trình học tập của mỗi người, song không phải tất cả HS trường DBĐH Dân tộc đều nhận thức đúng đắn được điều này. Điểm yếu dễ nhận thấy của HS trường DBĐH Dân tộc là lúng túng, không biết xây dựng mục tiêu học tập thành các nhiệm vụ cụ thể để thực hiện; chưa thường xuyên hoặc không tự biết kiểm tra, điều chỉnh kết quả học tập với mục tiêu học tập của mình.

2.2.2.2. Nội dung học tập và mức độ thực hiện nội dung học tập

Kết quả khảo sát cho thấy những điểm bất cập trong nội dung chương trình bồi dưỡng DBĐH Dân tộc như: nội dung học tập ở trường DBĐH Dân tộc còn nặng về

ôn tập, củng cố kiến thức THPT, chưa chú ý tới hình thành cho học sinh các kỹ năng, kỹ xảo, chưa giúp học sinh phương pháp tự học; dung lượng kiến thức nhiều, nặng lý thuyết, ít thực hành. Vì thế, không kích thích được ở HS khả năng năng lực học tập.

2.2.2.3. Sử dụng phương pháp học tập

Học sinh DBĐH Dân tộc chưa có phương pháp học tập tốt. Trong quá trình học tập, học sinh còn lúng túng trong việc lựa chọn và sử dụng phương pháp học tập phù hợp với môn học, việc đọc thêm sách tham khảo, tài liệu học tập còn yếu. Cơ bản, học sinh chỉ quen với việc chép bài và ghi nhớ những gì thầy cô đã dạy trên lớp. Rất ít học sinh biết cách hệ thống hóa bài học một cách khoa học để học bài tốt hơn.

2.2.2.4. Mức độ thực hiện hình thức tổ chức HĐHT

Đối với HĐHT trên lớp, HS trường DBĐH Dân tộc thực hiện tốt nền nếp lên lớp, tiếp thu môn học đầy đủ, đúng thời gian theo kế hoạch năm học và thời khóa biểu quy định. Hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo rất hấp dẫn và thu hút HS trường DBĐH Dân tộc tham gia. Đối với hoạt động tự học, HS phần lớn lúng túng, chưa tìm ra cách thức tự học; nhà trường chưa có có biện pháp tổ chức hoạt động tự học hiệu quả.

2.2.2.5 Kiểm tra, đánh giá HĐHT

Công tác kiểm tra, đánh giá HĐHT của HS tại các trường DBĐH Dân tộc hiện nay chủ yếu vẫn là kiểm tra, đánh giá theo quy chế, việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên, liên tục theo định hướng phát triển năng lực chưa được quan tâm đồng bộ; chưa thực sự đổi mới cách thức ra đề và hình thức kiểm tra. Hạn chế lớn nhất trong kiểm tra, đánh giá HĐHT ở các trường DBĐH Dân tộc là HS chưa tự biết kiểm tra, đánh giá HĐHT của mình.

2.2.3. Thực trạng quản lý hoạt động học tập của học sinh Trường Dự bị Đại học Dân tộc

2.2.3.1. Thực trạng quản lý đầu vào

a) QL chất lượng đầu vào của học sinh trường DBĐH Dân tộc

Việc tổ chức khảo sát đầu năm để đánh giá, phân loại chất lượng đầu vào và thực hiện các hình thức HĐHT cho HS theo quan điểm dạy học phân hóa vẫn còn nhiều bất cập.

b) QL chất lượng đội ngũ giáo viên

Hiệu trưởng các trường DBĐH Dân tộc vẫn chưa nâng cao được nhận thức của giáo viên về việc thường xuyên trau dồi chuyên môn nghiệp vụ; Chưa xây dựng được cơ chế khen thưởng phù hợp để khuyến khích giáo viên phấn đấu trở thành giáo viên giỏi; Công tác tổ chức bồi dưỡng năng lực sư phạm, năng lực nghiên cứu khoa học cho giáo viên tại các nhà trường chưa đồng đều và chưa thật sự hiệu quả.

c) QL cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

Có thể nói, hệ thống CSVC, TBDH cơ bản đáp ứng yêu cầu học tập cho quy mô học sinh tăng hằng năm. Tuy nhiên, việc bồi dưỡng nghiệp vụ sử dụng TBDH cho cán bộ, giáo viên chưa được nhà trường quan tâm đúng mực; CSVC, TBDH đáp ứng nhu cầu dạy học chưa được đầu tư nhiều do nguồn kinh phí hạn hẹp.

d) QL nguồn lực tài chính và thực hiện chế độ chính sách đối với HĐHT của học sinh

Các trường DBĐH Dân tộc đã thực hiện đúng việc quản lý nguồn tài chính và thực hiện chế độ chính sách đối với giáo viên và học sinh, đảm bảo các khoản thanh toán cá nhân (lương, phụ cấp giáo viên, học bổng cho học sinh), dành nguồn lực cho

đầu tư CSVC, TBDH.

2.2.3.2 Thực trạng quản lý quá trình

a) Quản lý thực hiện mục tiêu học tập

* *Xây dựng kế hoạch:* Thông thường, kế hoạch triển khai mục tiêu học tập được nhà trường lồng ghép với kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, kế hoạch tổ chức diễn đàn đối thoại giữa hiệu trưởng với HS, kế hoạch học tập nội quy quy chế DBĐH.

* *Tổ chức thực hiện:* Công tác tổ chức triển khai mục tiêu học tập của các trường được đánh giá cao. Tuy nhiên, mục tiêu đáp ứng yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi chưa được giáo viên và học sinh nhận thức đầy đủ, sâu sắc. Vẫn còn giáo viên và học sinh tách rời mục tiêu học tập với việc đáp ứng yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi.

* *Kiểm tra,giám sát:* Nhìn chung, nhà trường mới chỉ dừng lại ở việc triển khai, quán triệt mục tiêu học tập tới cán bộ, GV và HS, chưa đi sâu kiểm tra, đánh giá HS thực hiện mục tiêu học tập. Đặc biệt, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện mục tiêu học tập so với yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi gần như chưa được tiến hành đồng bộ.

* *Điều chỉnh, cải tiến:* Việc điều chỉnh HĐHT của HS theo mục tiêu học tập của các trường diễn ra còn chậm.

b) Quản lý thực hiện nội dung học tập

**Xây dựng kế hoạch:* Các trường DBĐH Dân tộc đều thực hiện tốt việc quản lý xây dựng kế hoạch.

**Tổ chức thực hiện:* Về cơ bản, các trường thực hiện nội dung học tập theo Thông tư quy định, việc nghiên cứu, xây dựng nội dung học tập theo yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi chưa được quan tâm chú ý.

* *Kiểm tra, giám sát:* Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện nội dung học tập diễn ra thường xuyên, liên tục. Sau mỗi đợt kiểm tra đều có tổng hợp, đánh giá, nhận xét, rút kinh nghiệm.

* *Điều chỉnh, cải tiến:* Quản lý thực hiện nội dung học tập tại các nhà trường hiện nay mới chỉ dừng lại ở việc QL giáo viên giảng dạy và học sinh học tập theo nội dung chương trình khung DBĐH của Bộ GD&ĐT ban hành. Việc điều chỉnh nội dung học tập theo năng lực HS và yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi chưa thực sự rõ nét.

c) Quản lý sử dụng phương pháp học tập

**Xây dựng kế hoạch:* Việc lập kế hoạch không được thể hiện rõ nét. Thông thường, các trường lồng ghép kế hoạch QL sử dụng phương pháp học tập của HS vào kế hoạch chuyên môn của nhà trường, kế hoạch giảng dạy của GV.

**Tổ chức thực hiện:* Phần lớn, GV còn lúng túng, chưa có cách thức để giúp HS tìm ra phương pháp học tập phù hợp; trong dạy học; hiệu trưởng các trường mới chỉ dừng lại ở việc chỉ đạo thực hiện kế hoạch, chưa chú ý nhiều đến công tác tổ chức thực hiện kế hoạch.

* *Kiểm tra, giám sát:* Nhìn chung, các trường còn thả nổi cho GV, giao cho GV tự hướng dẫn, quản lý và giám sát việc sử dụng các phương pháp của HS trong học tập.

* *Điều chỉnh, cải tiến:* Việc điều chỉnh, cải tiến công tác QL phương pháp học

tập của HS chưa có biểu hiện rõ nét.

d) Quản lý hình thức tổ chức học tập

**Xây dựng kế hoạch:* Khâu xây dựng kế hoạch tổ chức hình thức HĐHT được các nhà trường thực hiện nghiêm túc. Ngay đầu năm học, hiệu trưởng chỉ đạo xây dựng kế hoạch chuyên môn và cụ thể hóa việc tổ chức các hình thức HĐHT.

**Tổ chức thực hiện:* Các trường DBĐH Dân tộc đã tổ chức thực hiện tốt hình thức HĐHT trên lớp. Riêng công tác quản lý HĐHT của HS trong giờ tự học vẫn còn hạn chế do năng lực tự học của HS trường DBĐH Dân tộc yếu, GV chưa bồi dưỡng cho HS các phương pháp tự học, nhà quản lý chưa tìm ra biện pháp quản lý giờ tự học hiệu quả.

* *Kiểm tra, giám sát:* Công tác kiểm tra, giám sát được Hiệu trưởng chỉ đạo thực hiện nghiêm túc; Định kỳ tổ chức hội nghị chuyên môn để đánh giá về cách thức tổ chức và chất lượng của các hình thức HĐHT.

* *Điều chỉnh, cải tiến:* Sau khi kiểm tra, đánh giá về các hình thức tổ chức HĐHT, hiệu trưởng các nhà trường đã kịp thời chỉ đạo tổ chuyên môn, GV điều chỉnh HĐHT phù hợp với mục tiêu học tập của HS.

e) Quản lý kiểm tra, đánh giá HĐHT

* *Xây dựng kế hoạch:* Kết quả khảo sát cho thấy, công tác xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá HĐHT của học sinh được các trường DBĐH Dân tộc thực hiện nghiêm túc.

* *Tổ chức thực hiện:* Công tác tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra đánh giá HĐHT của học sinh tại các trường DBĐH Dân tộc nhìn chung nghiêm túc, khách quan, đúng quy định.

* *Kiểm tra, giám sát:* Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch luôn được hiệu trưởng các trường DBĐH Dân tộc quan tâm thực hiện. Trong mỗi kỳ kiểm tra định kỳ và thi học kỳ, nhà trường đều thành lập ban thanh tra, chịu trách nhiệm giám sát toàn bộ quá trình kiểm tra, đánh giá HĐHT của HS.

* *Điều chỉnh, cải tiến:* Tùy theo tình hình thực tế của nhà trường, việc điều chỉnh, cải tiến kế hoạch QL công tác kiểm tra, đánh giá HĐHT của HS cũng được thực hiện linh hoạt.

2.2.3.3. Thực trạng quản lý kết quả đầu ra

a) Quản lý kết quả xét phân bổ học sinh vào học đại học, cao đẳng, TCCN

Căn cứ vào mục tiêu học tập, các trường DBĐH Dân tộc đều quản lý nghiêm túc kết quả học tập theo đánh giá năng lực, rèn luyện, hạnh kiểm. Các trường DBĐH Dân tộc đã đảm bảo tính khách quan, công bằng, đảm bảo chất lượng trong xét tuyển học sinh vào học đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp. Những sai sót, tiêu cực trong việc quản lý công tác xét phân bổ học sinh vào học đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp rất hiếm xảy ra.

b) Quản lý thông tin phản hồi của các CSGD về chất lượng học tập của học sinh

- Sự thích ứng của học sinh khi học tại các cơ sở giáo dục đại học: Khả năng thích ứng của HS khi học tại các CSGD vẫn còn hạn chế, đặc biệt là khả năng tiếp cận với kiến thức chuyên ngành và các phương pháp học tập ở bậc đại học.

- Sự hài lòng của CSGD khi tiếp nhận học sinh: Sự hài lòng của các CSGD khi tiếp nhận học sinh DBĐH Dân tộc chưa cao. Một số trường đại học, học viện vẫn e ngại khi đào tạo đối tượng học sinh này. Nguyên nhân chủ yếu vẫn là do các trường DBĐH Dân tộc chưa đảm bảo được chất lượng học tập của học sinh trong quá trình

bồi dưỡng.

2.2.3.4. Khả năng thích ứng với tác động của bối cảnh đến quản lý hoạt động học tập của học sinh Trường Dự bị Đại học Dân tộc

Theo nghiên cứu thực tế thì khả năng thích ứng với những tác động bên ngoài còn chậm. Nhà trường mới chỉ đón nhận các chỉ thị, chính sách chỉ đạo từ trên và triển khai thực hiện, ít có phản hồi hoặc chủ động đề xuất giải pháp.

2.3. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA HỌC SINH Ở TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC

2.3.1. Đánh giá chung về thực trạng hoạt động học tập của học sinh DBĐH Dân tộc

2.3.1.1. Mặt mạnh

Các trường DBĐH Dân tộc đã thực hiện tốt việc triển khai, quán triệt tới HS mục tiêu học tập. HS được tiếp thu đầy đủ các nội dung học tập theo thời khóa biểu quy định. HS nghiêm túc tham gia các hình thức học tập theo kế hoạch của nhà trường; tích cực với công tác đoàn thể; say mê, hứng thú với các hoạt động trải nghiệm sáng tạo. Công tác kiểm tra, đánh giá HĐHT của HS thực hiện nghiêm túc, khách quan, đảm bảo đúng quy chế.

2.3.1.2. Mặt yếu

HS xác định được mục tiêu học tập nhưng chưa có nhận thức đúng đắn, sâu sắc về tầm quan trọng của mục tiêu học tập. Nội dung học tập nhìn chung chưa phù hợp, chưa đáp ứng được yêu cầu học tập và năng lực của HS. Đa số HS trường DBĐH Dân tộc chưa có phương pháp học tập phù hợp. Hình thức tự học chưa phát huy được năng lực học tập ở HS. Việc tổ chức HĐHT thông qua giờ tự học cho HS ở các nhà trường chưa thực sự hiệu quả. Việc kiểm tra, đánh giá HĐHT của HS tại các nhà trường mới chỉ dừng lại ở việc kiểm tra, đánh giá theo quy chế, chưa quan tâm nhiều đến kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực cho HS.

2.3.2. Đánh giá chung về thực trạng quản lý hoạt động học tập của học sinh DBĐH Dân tộc

2.3.2.1. Mặt mạnh

a) Về quản lý đầu vào: Các nhà trường đã quan tâm QL các yếu tố đầu vào, như: Đội ngũ giáo viên có bước phát triển về số lượng và chất lượng, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn tương đối cao; Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học mặc dù còn thiếu nhưng đã đáp ứng cơ bản yêu cầu học tập của HS; Quản lý tốt nguồn lực tài chính và việc thực hiện chế độ chính sách đối với HĐHT của HS .

b) Về quản lý quá trình: Các trường DBĐH Dân tộc đã quản lý nghiêm túc việc xây dựng kế hoạch triển khai các yếu tố quá trình HĐHT. Trong quá trình thực hiện, luôn đảm bảo công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và kịp thời điều chỉnh những điểm bất cập, hạn chế.

c) Về quản lý đầu ra: QL kết quả học tập theo mục tiêu dạy học đã được các trường quan tâm đúng mực; công tác xét tuyển học sinh vào đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và QL kết quả xét tuyển học sinh vào đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp được thực hiện đúng quy chế, đảm bảo tính khách quan, công bằng.

2.3.2.2. Mặt yếu

a) Về quản lý đầu vào: Trang thiết bị dạy học nhìn chung còn thiếu và lạc hậu, chưa đáp ứng với quy mô phát triển học sinh và yêu cầu nâng cao chất lượng HĐHT. Quản lý đầu vào của học sinh chưa quan tâm chú ý phân hóa chất lượng trên cơ sở năng lực

người học và đáp ứng cơ cấu ngành nghề cần tạo nguồn đào tạo tại địa phương vùng dân tộc, miền núi.

b) Về quản lý quá trình: Công tác tổ chức, chỉ đạo thực hiện kế hoạch QL các yếu tố quá trình HĐHT chưa được thực hiện đồng bộ, dẫn đến còn những bất cập, hạn chế. Việc điều chỉnh, cải tiến kế hoạch QL các yếu tố quá trình HĐHT diễn ra còn chậm, chưa rõ nét.

c) Về quản lý kết quả đầu ra: Chất lượng đầu ra của học sinh vẫn còn thấp so với yêu cầu, mục tiêu dạy học đặt ra; Học sinh chưa thích ứng cao với việc học tập kiến thức chuyên ngành tại các trường đại học, cao đẳng; Việc đáp ứng yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho khu vực miền núi còn hạn chế.

2.3.3. Nguyên nhân thực trạng quản lý hoạt động học tập của học sinh DBĐH Dân tộc

2.3.3.1. Nguyên nhân thành công

- *Nguyên nhân chủ quan:* Đội ngũ CBQL và giáo viên ở các trường DBĐH nhìn chung phẩm chất đạo đức tốt, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước; được đào tạo cơ bản, nhiệt tình gắn bó với nhà trường và sự nghiệp giáo dục.

- *Nguyên nhân khách quan:* Có nhiều thuận lợi trong thời kỳ đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo.

2.3.3.2. Nguyên nhân hạn chế

- *Nguyên nhân chủ quan:* Một số cán bộ giáo viên chưa nhận thức đúng tầm quan trọng của công tác QL hoạt động học tập trong nhiệm vụ tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi. Vai trò của Ban Giám hiệu và các Phòng, Tổ chuyên môn trong QL hoạt động học tập của học sinh chưa được rõ nét.

- *Nguyên nhân khách quan:* Các trường DBĐH Dân tộc chưa được giao quyền tự chủ về chỉ tiêu kế hoạch tuyển sinh hàng năm; nguồn tài chính phụ thuộc ngân sách Nhà nước cấp theo năm kế hoạch. Chất lượng GD&ĐT phổ thông của học sinh người DTTS nhìn chung thấp so với mặt bằng chung, học sinh chưa tích cực học tập, còn dựa vào chính sách ưu tiên của Đảng và Nhà nước.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Luận án tiến hành khảo sát thực trạng HĐHT và quản lý HĐHT của HS trường DBĐH Dân tộc. Kết quả khảo sát cho thấy, thực trạng quản lý HĐHT của học sinh trường DBĐH Dân tộc vẫn chưa thực sự đổi mới. Đánh giá theo tiếp cận CIPO, thì công tác quản lý HĐHT của HS trường DBĐH Dân tộc hiện đang gặp bất cập, hạn chế nhiều nhất ở khâu quá trình. Vì thế, hiệu quả quản lý HĐHT của HS tại các trường DBĐH Dân tộc chưa cao.

Chương 3
BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA HỌC SINH TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU TẠO NGUỒN ĐÀO TẠO CÁN BỘ CHO MIỀN NÚI

3.1. ĐỊNH HƯỚNG VÀ NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG CÁC BIỆN PHÁP

3.1.1. Định hướng xây dựng các biện pháp

Việc đề xuất các biện pháp quản lý HĐHT của HS cần phải thực hiện theo định

hướng nâng cao chất lượng HĐHT của HS trường DBĐH Dân tộc, gắn giáo dục với thực tiễn xã hội, đặc điểm văn hoá của từng dân tộc, từng địa phương, góp phần nâng cao chất lượng tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi.

3.1.2. Nguyên tắc xây dựng các biện pháp

Đảm bảo tính lý luận; Đảm bảo tính hệ thống; Đảm bảo tính kế thừa; Đảm bảo tính thực tiễn; Đảm bảo tính khả thi

3.2. BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA HỌC SINH TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC

3.2.1. Biện pháp 1: Tổ chức các hoạt động giáo dục nâng cao nhận thức của học sinh người dân tộc thiểu số về việc thực hiện mục tiêu học tập

3.2.1.1. Mục đích của biện pháp

Nâng cao nhận thức của HS về việc thực hiện mục tiêu học tập thông qua các hoạt động giáo dục sẽ giúp học sinh có động cơ, thái độ học tập tích cực, HS biết hình thành thời gian biểu, kế hoạch học tập, có nền nếp học tập ổn định, đạt được kết quả cao trong quá trình học tập.

3.2.1.2. Nội dung của biện pháp

Đa dạng hóa các hình thức HĐHT ngoài giờ lên lớp; Tăng cường tổ chức các hoạt động đoàn thể; Đẩy mạnh phong trào thi đua học tập trong toàn thể học sinh; Bồi dưỡng động cơ, thái độ học tập đúng đắn cho học sinh; Tăng cường QL nền nếp học tập của học sinh.

3.2.1.3. Tổ chức thực hiện biện pháp

Hiệu trưởng các đơn vị Phòng, Tổ chuyên môn triển khai các nội dung và các tiêu chí đánh giá việc thực hiện mục tiêu học tập, công tác giáo dục động cơ, thái độ học tập cho học sinh DBĐH tới toàn bộ cán bộ QL và GV trong nhà trường; Giáo viên phải thường xuyên tìm hiểu tâm sinh lý lứa tuổi, nắm bắt và đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh, xem các em cần những gì, học những gì, để giáo dục nâng cao nhận thức, có thái độ học tập đúng đắn.

3.2.1.4. Điều kiện thực hiện biện pháp

Đối với Nhà trường: Tạo điều kiện về CSVC, nguồn tài chính, đảm bảo tổ chức các hoạt động giáo dục nâng cao nhận thức của học sinh về việc thực hiện mục tiêu học tập; Xây dựng đội ngũ giáo viên tâm huyết, yêu nghề, có năng lực chuyên môn, có phẩm chất đạo đức, lương tâm nhà giáo, gắn bó với nhà trường và sự nghiệp giáo dục. Đối với giáo viên: Nêu cao ý thức trách nhiệm, quan tâm, giúp đỡ học sinh; không ngừng học tập, nâng cao trình độ và năng lực chuyên môn. Đối với học sinh: Tham gia đầy đủ các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức; Không ngừng phát huy năng lực, sở trường cá nhân trong các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao; Tích cực xây dựng mối đoàn kết bạn bè, tạo môi trường học tập thân thiện, lành mạnh.

3.2.2. Biện pháp 2: Quản lý chất lượng đầu vào của học sinh trường Dự bị Đại học Dân tộc theo quan điểm dạy học phân hóa

3.2.2.1. Mục đích của biện pháp

Quản lý chất lượng đầu vào theo quan điểm dạy học phân hóa là biện pháp nhằm mục đích là tối ưu hóa sự trưởng thành của từng HS, giúp cho từng cá nhân người học thành công trong suốt quá trình học và tạo ra kết quả học tập tốt nhất.

3.2.2.2. Nội dung của biện pháp

*Nâng cao nhận thức của mọi lực lượng giáo dục trong nhà trường về quan điểm dạy học phân hóa; Tổ chức phân hóa chất lượng đầu vào của học sinh (*theo năng lực học tập; định hướng nghề nghiệp); Tổ chức các HĐHT cho học sinh theo quan điểm dạy học phân hóa; Tăng cường vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chuyên môn và giáo viên trong dạy học phân hóa; Bồi dưỡng, nâng cao năng lực dạy học theo quan điểm dạy học phân hóa cho giáo viên.

3.2.2.3. Tổ chức thực hiện biện pháp

Hiệu trưởng chỉ đạo GV cần nghiên cứu và nắm vững nội dung, yêu cầu bài học, thiết kế giáo án và tổ chức các HĐHT trên lớp phù hợp với tất cả các đối tượng HS; Kiểm tra, đánh giá sự tiến bộ của HS trong suốt quá trình giảng dạy, tạo nhiều cơ hội để HS được thể hiện mình theo khả năng, năng lực, giúp HS trở nên tự tin, hứng thú trong học tập.

3.2.2.4. Điều kiện thực hiện biện pháp

Đối với nhà trường: Ưu tiên kinh phí và thời gian, tạo điều kiện về CSVC, TBDH để giáo viên thuận lợi trong quá trình tổ chức các HĐHT của HS theo quan điểm dạy học phân hóa. Đối với giáo viên: Cần chuẩn bị tốt về kiến thức, phương pháp, có ý thức trách nhiệm, nhiệt tình, tâm huyết để thực hiện dạy học theo quan điểm phân hóa. Đối với học sinh: Có hiểu biết cơ bản về quan điểm dạy học phân hóa; Tích cực tham gia các HĐHT theo quan điểm dạy học phân hóa do nhà trường tổ chức; Có động cơ, thái độ đúng đắn trong học tập.

3.2.3. Biện pháp 3: Tăng cường quản lý hoạt động học tập của học sinh người dân tộc thiểu số trên cơ sở phát huy năng lực tự học

3.2.3.1. Mục đích của biện pháp

Quản lý hoạt động tự học sẽ giúp các em bồi dưỡng phương pháp học tập và kỹ năng vận dụng tri thức, rèn luyện ý chí và năng lực hoạt động sáng tạo; có khả năng tự mình tổ chức các hoạt động độc lập để chiếm lĩnh kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo, từ đó, giúp học sinh thích ứng nhanh với việc học tập ở bậc đại học.

3.2.3.2. Nội dung của biện pháp

Quản lý hoạt động học tập thông qua việc xây dựng nội dung tự học; Tăng cường hoạt động của nhóm học tập tạo môi trường rèn luyện kỹ năng tự học; Bồi dưỡng phương pháp tự học cho học sinh; Tăng cường quản lý nền nếp học tập của học sinh trong giờ tự học; Tăng cường sự tham gia quản lý hoạt động tự học của các lực lượng giáo dục trong nhà trường.

3.2.3.3. Tổ chức thực hiện biện pháp

Chỉ đạo các Tổ chuyên môn nghiên cứu xây dựng nội dung học tập trong giờ tự học; Các đơn vị Phòng, Tổ chuyên môn, tổ chức đoàn thể và các lực lượng giáo dục khác trong nhà trường phối hợp giám sát, kiểm tra việc thực hiện nền nếp của HS trong giờ tự học; Xây dựng tiêu chí đánh giá HĐHT của HS trong giờ tự học; Định kỳ tổ chức hội nghị đánh giá, rút kinh nghiệm về công tác tổ chức, quản lý hoạt động tự học, kịp thời điều chỉnh những điểm bất cập xảy ra.

3.2.3.4. Điều kiện thực hiện biện pháp

Đối với nhà trường: Tạo mọi điều kiện về vật chất, tinh thần cho GV; Kịp thời biểu dương, khen thưởng những HS có ý thức tốt trong hoạt động tự học. Đối với giáo viên: Không ngừng học tập nâng cao trình độ và năng lực chuyên môn, nghiên cứu đổi mới

phương pháp dạy học theo hướng bồi dưỡng năng tự học cho HS. Đối với học sinh: Nêu cao ý thức thực hiện nền nếp học tập; hợp tác tích cực với thầy cô và bạn bè trong các giờ tự học; chủ động hoạt động nhóm, chủ động đánh giá năng lực tự học của cá nhân.

3.2.4. Biện pháp 4: Tăng cường kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh người dân tộc thiểu số theo định hướng phát triển năng lực

3.2.4.1. Mục đích của biện pháp

Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh theo định hướng phát triển năng lực nhằm đánh giá khách quan, trung thực HĐHT, giúp GV đánh giá đúng năng lực của HS; từ đó, có cơ sở nghiên cứu điều chỉnh việc tổ chức các HĐHT trong nhà trường phù hợp với định hướng phát triển năng lực HS, phù hợp với việc tổ chức HĐHT theo quan điểm dạy học phân hóa, kích thích quá trình học tập, phát huy mọi khả năng năng lực học tập của học sinh.

3.2.4.2. Nội dung của biện pháp

Tăng cường kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh trong dạy học; Xây dựng bộ đề thi, kiểm tra theo định hướng phát triển năng lực; Kết hợp nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá khác nhau; Bồi dưỡng khả năng tự kiểm tra, đánh giá cho học sinh; Cải tiến đồng bộ các khâu kiểm tra, đánh giá.

3.2.4.3. Tổ chức thực hiện biện pháp

Việc tổ chức kiểm tra, đánh giá HĐHT của HS theo định hướng phát triển năng lực phải được thực hiện ngay từ đầu năm học. Hiệu trưởng triển khai, quán triệt, nâng cao ý thức, trách nhiệm của CBQL, GV trong nhà trường về chủ trương kiểm tra, đánh giá; Hiệu trưởng phải quản lý chặt chẽ việc tổ chức kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực để đảm bảo công bằng, khách quan trong quá trình thực hiện.

3.2.4.4. Điều kiện thực hiện biện pháp

Đối với nhà trường: Đầu tư nguồn lực tài chính phù hợp để thực hiện việc tổ chức kiểm tra, đánh giá. Chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng CBQL và GV về nghiệp vụ kiểm tra, đánh giá theo phương thức mới. Đối với giáo viên: Nâng cao nhận thức về phương thức kiểm tra đánh giá HĐHT của học sinh theo định hướng phát triển năng lực; Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá và biết đánh giá cho bạn. Đối với học sinh: Tích cực học tập và rèn luyện đạo đức; tham gia các kỳ kiểm tra, đánh giá nghiêm túc, đúng quy chế; biết đánh giá năng lực cá nhân sau kết quả kiểm tra.

3.2.5. Biện pháp 5: Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động học tập theo tinh thần đổi mới quản lý giáo dục

3.2.5.1. Mục đích của biện pháp

Đầu tư CSVC, thiết bị hiện đại là điều kiện hỗ trợ quan trọng để giúp GV đổi mới phương pháp giảng dạy, tiếp cận với xu thế dạy học hiện đại; giúp HS củng cố kiến thức một cách chính xác, khoa học, tăng cường khả năng tiếp thu, thúc đẩy quá trình nhận thức, kích thích hứng thú học tập, rút ngắn thời gian học tập, lĩnh hội kiến thức một cách hệ thống.

3.2.5.2. Nội dung của biện pháp

Đầu tư xây dựng CSVC, TBDH một cách trọng tâm, trọng điểm cho các HĐHT của HS; Tăng cường đầu tư TBDH hiện đại.

3.2.5.3. Tổ chức thực hiện biện pháp

Chỉ đạo các bộ phận tiến hành kiểm kê TBDH hiện có của nhà trường để có kế hoạch sửa chữa kịp thời, đề nghị thanh lý những thiết bị hư hỏng, không còn khả năng sử dụng; Xây dựng kế hoạch trang bị CSVC, TBDH; Tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát việc sử dụng CSVC và trang thiết bị; Bồi dưỡng nghiệp vụ sử dụng và bảo trì trang thiết bị hiện đại cho cán bộ, giáo viên.

3.2.5.4. Điều kiện thực hiện biện pháp

Đối với nhà trường: Tiết kiệm chi, tranh thủ sự ủng hộ của Bộ GD&ĐT và các ban nghành địa phương để đầu tư nguồn lực tài chính mua sắm trang thiết bị, xây dựng CSVC. Nâng cao nhận thức cho CBQL và GV về việc sử dụng CSVC, trang thiết bị dạy học. Đối với giáo viên: Có ý thức giữ gìn và sử dụng hiệu quả CSVC, TBDH; thường xuyên tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao nghiệp vụ sử dụng trang thiết bị dạy học hiện đại. Đối với học sinh: Có ý thức giữ gìn, bảo vệ CSVC, TBDH trong nhà trường; Nêu cao tinh thần trách nhiệm đối với việc sử dụng CSVC, TBDH.

3.2.6. Biện pháp 6: Quản lý kết quả đầu ra của học sinh người dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi

3.2.6.1. Mục đích của biện pháp

Quản lý kết quả đầu ra sẽ góp phần đảm bảo chất lượng tạo nguồn đào tạo cán bộ, tạo sự khách quan, công bằng cho học sinh trong việc đánh giá năng lực học tập, đồng thời, cung ứng cho các CSGD nguồn nhân lực đủ điều kiện, đáp ứng yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi.

3.2.6.2. Nội dung của biện pháp

Quản lý kết quả xét phân bổ học sinh theo yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi; Tăng cường phối hợp với các CSGD trong quản lý kết quả học tập của học sinh; Tăng cường phối hợp với địa phương trong quản lý kết quả học tập của học sinh.

3.2.6.3. Tổ chức thực hiện biện pháp

Hiệu trưởng chỉ đạo việc ban hành một số văn bản, nhằm đảm bảo cơ sở pháp lý cho công tác xét phân bổ đầu ra; chỉ đạo việc xây dựng hệ thống văn bản các quy định, quy trình kèm biểu mẫu phục vụ công tác phối hợp với các cơ sở giáo dục trong quản lý thông tin về kết quả đầu ra của HS; chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát toàn bộ quá trình thực hiện xét phân bổ HS; Tổ chức tổng kết, đánh giá, rút ra những hạn chế, nhược điểm, tìm phương án điều chỉnh để chuẩn bị cho năm học tiếp theo.

3.2.6.4. Điều kiện thực hiện biện pháp

Đối với nhà trường: Phối hợp tốt với các CSGD trong quá trình xét tuyển học sinh vào học đại học, cao đẳng, TCCN; Đấu mối với Bộ GD&ĐT về quyết định phân bổ chỉ tiêu xét tuyển học sinh vào học đại học, cao đẳng, TCCN đúng thời gian. Đối với giáo viên: Thực hiện quản lý kết quả học tập của học sinh nghiêm túc, đảm bảo khách quan, công bằng. Đối với học sinh: Không ngừng học tập và rèn luyện để có kết quả học tập tốt; Thực hiện kết quả xét phân bổ học sinh vào học đại học, cao đẳng, TCCN nghiêm túc, đúng quy định.

3.3. MỐI QUAN HỆ CỦA CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA HỌC SINH TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC

Mỗi biện pháp đều có ý nghĩa quan trọng và phù hợp với từng nhiệm vụ của công tác quản lý. Đồng thời, giữa các biện pháp có mối quan hệ thống nhất, tác động qua lại

lẫn nhau và tạo thành một thể thống nhất để thúc đẩy nhau phát triển. Thực hiện biện pháp này sẽ là điều kiện và cơ sở để thực hiện biện pháp kia và ngược lại. Vì vậy, quản lý HĐHT không thể thực hiện từng biện pháp riêng lẻ mà cần được tiến hành đồng bộ, nhất quán nhằm phát huy tác dụng tổng hợp của chúng.

3.4. KHẢO NGHIỆM TÍNH CẦN THIẾT VÀ TÍNH KHẢ THI CỦA CÁC BIỆN PHÁP

3.4.1. Ý kiến đánh giá về tính cần thiết của các biện pháp

Kết quả trưng cầu ý kiến cho thấy tính cần thiết của các biện pháp được đánh giá cao.

3.4.2. Ý kiến đánh giá về tính khả thi của các biện pháp

Kết quả trưng cầu ý kiến cho thấy tính khả thi của các biện pháp được đánh giá cao.

3.4.3. Đánh giá sự tương quan giữa tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp

Việc thăm dò, lấy ý kiến của 156 người ở 4 trường Dự bị đại học cho thấy tính cần thiết và tính khả thi có tương quan thuận và chặt chẽ. Nghĩa là các nhóm biện pháp vừa cần thiết lại vừa khả thi.

3.5. THỬ NGHIỆM BIỆN PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA HỌC SINH NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ TRÊN CƠ SỞ PHÁT HUY NĂNG LỰC TỰ HỌC

3.5.1. Mục đích thử nghiệm

Đánh giá mức độ, hiệu quả quản lý hoạt động học tập của học sinh trên cơ sở phát huy năng lực tự học, khẳng định kết quả học tập cao hơn khi áp dụng biện pháp đề xuất.

3.5.2. Nội dung thử nghiệm

Quản lý hoạt động tự học thông qua việc xây dựng nội dung tự học (Thiết kế và sử dụng phiếu hướng dẫn tự học môn Vật lý; Môn Lịch sử); Tăng cường quản lý hoạt động học tập của học sinh theo nhóm, tạo môi trường rèn luyện kỹ năng tự học; Bồi dưỡng phương pháp tự học cho học sinh; Tăng cường quản lý hoạt động tự học thông qua sự tham gia của các lực lượng giáo dục trong nhà trường.

3.5.3. Phạm vi, đối tượng, thời gian thử nghiệm

- Phạm vi: Trường DBĐH dân tộc Sầm Sơn.
- Đối tượng thử nghiệm: HS trường DBĐH dân tộc Sầm Sơn.
- Thời gian thử nghiệm: **T**hử nghiệm vòng 1: Được tiến hành trong học kì 2, năm học 2014 - 2015 đối với một số HS khối A, Tổ Tự nhiên; HS khối C Tổ Xã hội thuộc trường DBĐHDT Sầm Sơn; Thử nghiệm vòng 2: Được tiến hành trong học kì 2, năm học 2015 - 2016 đối với HS khối A, Tổ Tự nhiên; HS khối C Tổ Xã hội thuộc trường DBĐHDT Sầm Sơn.

3.5.4. Giả thiết thử nghiệm

Nếu áp dụng biện pháp tăng cường quản lý HĐHT của học sinh trên cơ sở phát huy năng lực tự học thì sẽ nâng cao được chất lượng HĐHT của học sinh trường DBĐH Dân tộc.

3.5.5. Xây dựng phương thức và tiêu chí đánh giá

Đánh giá định tính và đánh giá mặt định lượng.

3.5.6. Tổ chức thử nghiệm và phân tích kết quả thử nghiệm

3.5.6.1. Thử nghiệm vòng 1 (năm học 2014 - 2015)

a. Tập huấn cho giáo viên và học sinh nhóm thử nghiệm: Hướng dẫn giáo viên (bộ môn Vật lý; Lịch sử) và học sinh cách sử dụng các phương tiện hỗ trợ tự học; xây dựng các nội dung tự học, thiết kế bộ phiếu học tập trong quá trình học trên lớp và ngoài giờ lên lớp; thành lập các nhóm học tập và nhiệm vụ hoạt động của các nhóm học tập. Chỉ đạo giáo viên hướng dẫn phương pháp tự học cho học sinh. Trao đổi với Ban giám hiệu về việc tăng cường tham gia quản lý hoạt động tự học của các lực lượng giáo dục trong nhà trường, gồm: giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm, cán bộ quản lý học sinh, cán bộ theo dõi nền nếp...

b. Chuẩn bị tài liệu thử nghiệm: Các nội dung tự học thử nghiệm do Bộ môn Vật lí và Lịch sử biên soạn; Bộ phiếu hướng dẫn tự học do Bộ môn Vật lí và Lịch sử biên soạn.

c. Chọn mẫu thử nghiệm: Sử dụng mẫu thực nghiệm là học sinh Trường DBĐH Dân tộc Sầm Sơn, lấy kết quả điểm thi học kỳ I của học sinh để làm căn cứ chọn nhóm thử nghiệm (TN) và nhóm đối chứng (ĐC) bao gồm các học sinh có kết quả học tương đương nhau.

d. Kết quả thử nghiệm vòng 1

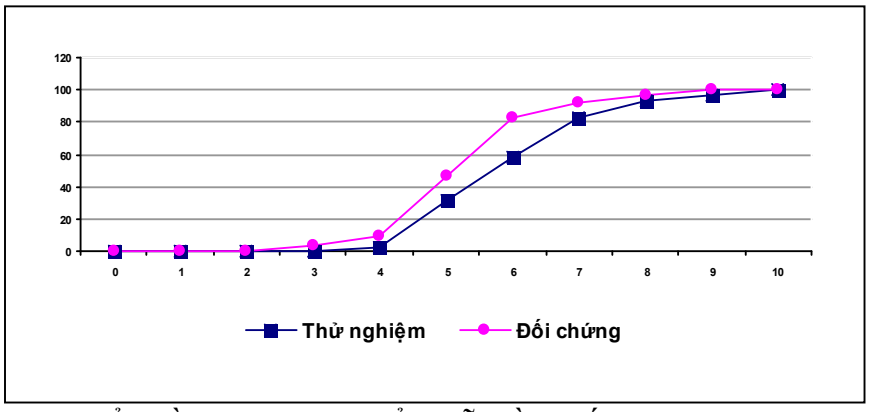

Biểu đồ 3.1: Đường biểu diễn tần suất luỹ tích hội tụ lùi sau khi thử nghiệm vòng 1

Ta thấy đường biểu diễn hội tụ lùi của nhóm lớp thử nghiệm nằm bên phải của đường biểu thị hội tụ lùi của lớp đối chứng. Điều này chứng tỏ chất lượng học tập của nhóm lớp thử nghiệm cao hơn chất lượng của nhóm lớp đối chứng.

e. Phân tích kết quả thử nghiệm vòng 1: thể hiện kết quả nhóm TN cao hơn nhóm ĐC.

3.5.6.2. Thử nghiệm vòng 2 (năm học 2015 - 2016)

Để chuẩn bị cho công tác thực nghiệm vòng 2 chúng tôi vẫn tiến hành công tác tập huấn cho giáo viên và học sinh nhóm thử nghiệm như vòng 1; Chuẩn bị tài liệu thử nghiệm đã được chỉnh sửa sau thử nghiệm vòng 1. Thử nghiệm vòng 2 triển khai tại trường DBĐH Dân tộc Sầm Sơn trong năm học 2015-2016. Việc chọn đối tượng thử nghiệm và đối chứng được dựa trên kết quả điểm thi học kỳ I:

a. Kết quả thử nghiệm vòng 2

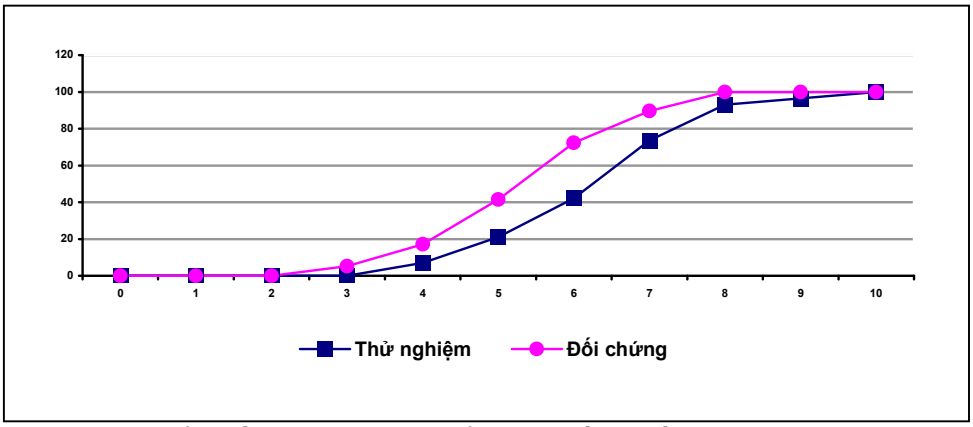

Biểu đồ 3.2: Đường biểu diễn tần suất luỹ tích hội tụ lùi của nhóm thử nghiệm và đối chứng trong đợt thử nghiệm vòng 2

Biểu đồ thể hiện đường biểu diễn hội tụ lùi của nhóm thử nghiệm nằm bên phải của đường biểu thị hội tụ lùi của lớp đối chứng. Điều này cho thấy chất lượng học tập của nhóm lớp thử nghiệm cao hơn chất lượng của nhóm lớp đối chứng.

b. Phân tích kết quả thử nghiệm vòng 2 kết quả thử nghiệm của nhóm thử nghiệm cao hơn nhóm đối chứng là thực chất.

Việc thử nghiệm biện pháp tăng cường quản lý HĐHT của học sinh trên cơ sở phát huy năng lực tự học đã rút ra những kết luận rất khả quan: Kết quả điểm kiểm tra cho thấy tổ chức hoạt động tự học thông qua việc xây dựng nội dung tự học (Thiết kế và sử dụng phiếu hướng dẫn tự học môn Vật lý; Môn Lịch sử), kết hợp với tăng cường hoạt động của nhóm học tập và sự tham gia quản lý hoạt động tự học của các lực lượng giáo dục trong nhà trường sẽ giúp học sinh nâng cao được năng lực học tập; Để quản lý HĐHT có chất lượng, bắt buộc giáo viên phải tăng cường tổ chức các HĐHT cho học sinh trong giờ tự học theo tinh thần phát huy năng lực tự học.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Luận án đề xuất 6 biện pháp quản lý HĐHT của HS trường DBĐH Dân tộc đáp ứng yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi; tiến hành khảo nghiệm 6 biện pháp đề xuất qua trưng cầu ý kiến của CBQL và GV; tổ chức thử nghiệm biện pháp "Tăng cường quản lý hoạt động học tập của HS người DTTS trên cớ ở phát huy năng lực tự học".

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Hiệu quả quản lý HĐHT của học sinh có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng bồi dưỡng DBĐH. Song, ở nước ta, đây là vấn đề còn ít được quan tâm cả trên bình diện lý luận và thực tiễn. Nghiên cứu lý luận của đề tài chỉ ra rằng, có thể khắc phục những hạn chế, bất cập trong quản lý HĐHT của học sinh trường DBĐH Dân tộc nhờ vận dụng mô hình CIPO. Trên cơ sở lý luận về quản lý HĐHT, những đặc thù trong

HĐHT của học sinh trường DBĐH Dân tộc và mô hình CIPO, luận án đề xuất và thiết lập được mô hình CIPO trong quản lý HĐHT của học sinh trường DBĐH Dân tộc đáp ứng yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi với các thành phần: Quản lý các yếu tố đầu vào; quản lý các yếu tố quá trình; quản lý kết quả đầu ra; tác động của bối cảnh đến quản lý HĐHT của học sinh. Mô hình này sẽ góp phần tích cực vào tri thức lý luận trong việc đổi mới quản lý HĐHT của học sinh trường DBĐH Dân tộc.

Kết quả khảo sát thực trạng cho thấy, quản lý HĐHT của học sinh DBĐH tại các trường DBĐH Dân tộc tuy đã có chuyển biến tích cực nhưng vẫn còn tồn tại nhiều bất cập. Việc quản lý đầu vào, quản lý quá trình, quản lý đầu ra, điều tiết tác động của bối cảnh đến quản lý HĐHT về cơ bản chưa có nhiều chuyển biến rõ rệt, chưa được thực hiện đồng bộ tại các nhà trường. Đổi mới quản lý HĐHT của học sinh đáp ứng yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi là đòi hỏi khách quan. Phân tích kết quả nghiên cứu thực trạng theo tiếp cận CIPO đã khẳng định về thực tiễn sự cần thiết và phù hợp của mô hình vận dụng CIPO đã đề xuất.

Tư tưởng cốt lõi, xuyên suốt của đề tài luận án là quan điểm quản lý HĐHT của học sinh theo quá trình, tăng cường hiệu quả của tinh thần PDCA trong suốt quá trình quản lý, chú trọng chất lượng kết quả đầu ra. Biện pháp vận dụng mô hình CIPO trong quản lý HĐHT của học sinh được đề xuất phù hợp với thực tiễn của các trường DBĐH Dân tộc. Các biện pháp đã được tiến hành khảo nghiệm, thử nghiệm, được đánh giá tính cần thiết và tính khả thi cao, khẳng định nhiệm vụ nghiên cứu và giả thiết khoa học của đề tài.

2. KHUYẾN NGHỊ

2.1. Đối với Chính phủ: Có kế hoạch chiến lược trong tạo nguồn đào tạo cán bộ người DTTS, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực cho miền núi trong thời kỳ đổi mới đất nước. Nâng mức hỗ trợ cho học sinh nội trú theo Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29 tháng 5 năm 2009 từ 80% mức lương tối thiểu lên 100%.

2.2. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tham mưu với Chính phủ và các Bộ, Ban, ngành liên quan xem xét bổ sung kịp thời chế độ chính sách đối với học sinh, cán bộ quản lý và giáo viên đang học tập, công tác tại trường dự bị đại học và các khoa dự bị đại học. Tạo điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ học tập cho các trường Dự bị Đại học Dân tộc trong quá trình dạy học học theo tinh thần nâng cao năng lực học tập cho học sinh. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục đại học trong cả nước tiếp nhận học sinh DBĐH dân tộc vào học ở các trường đại học, cao đẳng theo nhu cầu đào tạo cán bộ của địa phương khu vực miền núi.

2.3. Đối với địa phương: Uỷ ban nhân dân các tỉnh cần có chính sách ưu tiên trong việc tuyển dụng và sử dụng học sinh sau khi tốt nghiệp ra trường về địa phương công tác. Có chính sách hỗ trợ giúp đỡ học sinh về vật chất và tinh thần trong thời gian học DBĐH, đặc biệt là những học sinh điều kiện hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, để các em yên tâm trong quá trình học tập.

2.4. Đối với các trường Dự bị Đại học Dân tộc: Phối hợp giữa các trường tổ chức hội thảo khoa học để trao đổi, nghiên cứu các biện pháp quản lý hoạt động học tập mà tác giả luận án đã đề cập. Tạo điều kiện để giáo viên học tập và tham dự các lớp bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.